TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 07-4-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VI ỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Lơn
2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Quang Tr, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966;

Cùng cư trú: Thôn Hang Dơi, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S: Ông Dương Quang Tr, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Hang Dơi, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. (Theo giấy ủy quyền số 3541, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 23/6/2021 tại Văn phòng Công chứng Lê Thị Toàn); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1968; bà Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1975;

Cùng cư trú: Thôn Lệ Cam, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vì là chỗ quen biết nên vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th cư trú tại thôn Hang Dơi, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mượn tiền vợ chồng ông là Dương Quang Tr, Nguyễn Thị S nhiều lần để làm ăn. Đến ngày 23 tháng 01 năm 2017 hai bên lập giấy mượn tiền ghi nhận số tiền và vàng ông Nguyễn Ngọc A và bà Huỳnh Thị Thu Th nợ vợ chồng ông là 142.000.000 đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96%. Từ đó đến nay vợ chồng ông Ấn, bà Thủy không trả cho vợ chồng ông được đồng nào. Ngày 7/4/2021, ông có thông báo trả nợ yêu cầu vợ chồng ông Ấn, bà Thủy phải trả cho ông số tiền 142.000.000 đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96% nhưng ông Ấn, bà Thủy vẫn chay ì, không trả.

Nay, vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa buộc ông Nguyễn Ngọc A cùng bà Huỳnh Thị Thu Th phải trả cho vợ chồng ông số tiền 142.000.000 đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96%, không yêu cầu tính lãi

Tại bản tự khai ngày 12/8/2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th trình bày:

Tại bản tự khai ngày 12/8/2021, ông Nguyễn Ngọc A trình bày: Vợ ông là bà Huỳnh Thị Thu Th có vay của bà Nguyễn Thị S một khoản tiền thời gian khoảng gần mười năm trước nhưng ông không rõ số tiền bao nhiêu. Đến năm 2017 ông mới viết giấy mượn tiền nhưng đến giờ ông không nhớ rõ số tiền vay. Hiện tại vợ chồng ông không có khả năng trả nợ và ông đang rao bán nhà nếu thống nhất được khoản tiền nợ ông sẽ trả một lần cho ông Trường, bà Sáng.

Tại biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải lập ngày 21/6/2021, ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th trình bày: Vợ chồng ông không thừa nhận khoản nợ 142.000.000 đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96% theo yêu cầu khởi kiện của ông Ấn, bà Th. Năm 2004, bà Th có mượn 20.000.000 đồng của vợ chồng ông Tr, ông A sau đó cho ông Tr mượn lại 2.000.000 đồng. Quá trình mượn tiền ông A đã trả cho ông Tr 5.000.000 đồng để ông Tr đưa vợ đi viện. Từ đó hàng tháng bà Th có nhờ bà L trả cho bà S 500.000 đồng. Năm 2017, bà S đi xuống nhà ông yêu cầu ông A ký lại giấy mượn tiền vì làm mất giấy mượn tiền gốc. Ông A xác nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của mình, bà Th không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy mượn tiền và yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký.

Tại Đơn đính chính, bổ sung lời khai lập ngày 22/6/2021, ông Nguyễn Ngọc A trình bày: Chứng cứ ghi "Giấy mượn tiền" không phải do ông ghi cũng không phải do vợ ông ghi, ông không hề viết giấy này. Chữ ký của ông trong giấy mượn tiền cũng không phải là chữ ký của ông nên ông yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Dương Quang Tr, bà Nguyễn Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện, xác định chỉ yêu cầu ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th phải trả 135.500.000 đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Dương Quang Tr, bà Nguyễn Thị S khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thuy Th có nơi cư trú tại: Thôn Lệ Cam, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền và vàng)*". Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ nội dung giấy "Giấy mượn tiền ngày 23/01/2017" và các bản tự khai của ông Dương Quang Tr, bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản không thời hạn.

Hội đồng xét xử xét thấy,trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn thừa nhận có quen biết và vay tiền của nguyên đơn nhưng không thừa nhận số tiền vay 142.000.000 đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96%, chỉ thừa nhận có vay của vợ chồng ông Tr, bà S 20.000.000 đồng. Ông A sau đó cho ông Tr mượn lại 2.000.000 đồng. Quá trình mượn tiền ông A đã trả cho ông Tr5.000.000 đồng để ông Tr đưa vợ đi viện. Từ đó hàng tháng bà Th có nhờ bà L trả cho bà S 500.000 đồng.Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận ông A, bà Th đã trả cho ông Tr 5.000.000 đồng và nhờ bà L trả cho bà S 3 lần tiền mỗi lần 500.000 đồng nên có cơ sở để ghi nhận ý kiến của bị đơn. Bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án tiến hành trưng cầu giám định vì vậy không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Xét thấy, giấy mượn tiền lập ngày 23 tháng 01 năm 2017 giữa ông Dương Quang Tr, bà Nguyễn Thị S với ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th là có thật, việc ông A, bà Th chậm thanh toán số tiền 142.000.000 đồng đã vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr, bà S vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông Tr, bà S về việc yêu cầu ông A, bà Th phải trả khoản tiền vay 142.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Quang Tr, bà Nguyễn Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện, xác định chỉ yêu cầu ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th phải trả 135.500.000 đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96%. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.500.000 đồng của nguyên đơn.

Đối với số vàng 4 chỉ 5 phân vàng 96%. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 thì "*đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo dúng số lượng, chất lượng, số lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*". Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Ông A, bà Th phải trả cho ông Tr, bà S 4 chỉ 5 phân vàng 96%.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền 135.500.000 đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96% được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng trên địa bàn thị xã Ninh Hòa tại thời điểm xét xử vụ án là: 4 chỉ 5 phân x 5.255.000 đồng/01 chỉ vàng 96% = 23.647.500 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quang Tr, bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th phải trả cho ông Dương Quang Tr, bà Nguyễn Thị S số tiền 135.500.000 (một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn) đồng và 4 chỉ 5 phân vàng 96%.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quang Tr, bà Nguyễn Thị S đối với số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc A, bà Huỳnh Thị Thu Th phải chịu 7.957.000 (bảy triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S, ông Dương Quang Tr số tiền 4.145.000 (bốn triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003909 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Thịnh